

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm thuốc bổ sung để phục vụ công tác khám chữa bệnh
và dự phòng của Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn tại Tờ trình số 32 /TTr-TTYT ngày 10/3/2017 và đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 78/BC-SYT ngày 03/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm thuốc trong danh mục thuốc đấu thầu tập trung (nhưng chưa có thỏa thuận khung được công bố) để phục vụ công tác khám, chữa bệnh và dự phòng của Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn; cụ thể như sau:

1. Phê duyệt dự toán mua thuốc:

- Tổng giá trị Dự toán: **508.864.850 đồng** (Năm trăm lẻ tám triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn, tám trăm năm mươi đồng).

- Dự toán mua sắm, danh mục thuốc: Theo 03 Phụ lục của từng Gói thầu kèm theo Bảng tổng hợp Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Điểm d, Khoản 2, Điều này.

2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) **Phần công việc đã thực hiện:** Lập danh mục, lựa chọn quy cách kỹ thuật, giá kế hoạch; tổ chức thẩm định dự toán và thẩm định, trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Giám đốc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn và Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) **Chủ đầu tư/ bên mời thầu:** Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn.

c) Đơn vị ký kết và thực hiện hợp đồng mua sắm: Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn.

d) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

- **Lý do chỉ định thầu rút gọn:** Theo quy định tại Khoản 4, Điều 79 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- **Lý do mua sắm trực tiếp:** Theo quy định tại Điều 24, Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013.

Điều 2. Giao Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn tổ chức thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Trường hợp Đơn vị mua sắm thuốc tập trung của tỉnh và Sở Y tế tổ chức đấu thầu mua sắm tập trung thuốc hoàn thành, có thông báo cho các cơ sở y tế Thỏa thuận khung về kết quả lựa chọn nhà thầu tập trung theo quy định (tính từ thời điểm nhận được thông báo Thỏa thuận khung), thì Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn phải ngừng ngay việc thực hiện hợp đồng đã ký kết theo kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các mặt hàng thuốc theo các Phụ lục kèm theo Quyết định này và tiến hành thực hiện ký kết hợp đồng mua thuốc theo Thỏa thuận khung được thông báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VP, K15.

2



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục:



BẢNG TỔNG HỢP PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
(Kèm theo Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 14 / 4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

Gói thầu số	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn thực hiện	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu
1	Mua thuốc generic (Gồm 15 mặt hàng - Phụ lục 1)	376.862.600 (Ba trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm đồng)	Bao gồm nguồn ngân sách nhà nước, nguồn Quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của Trung tâm Y tế TX An Nhơn	Chỉ định thầu rút gọn	Thương thảo hợp đồng	Hợp đồng trọn gói theo từng mặt hàng thuốc (từng phần độc lập của gói thầu)	Từ khi hợp đồng có hiệu lực đến khi Đơn vị mua thuốc tập trung tỉnh Bình Định tổ chức đấu thầu mua sắm tập trung thuốc từ Quý 2/2017 đến Quý 1/2018 hoàn thành, có thông báo cho các cơ sở y tế Thỏa thuận khung về kết quả lựa chọn nhà thầu	Từ tháng 4 năm 2017
2	Mua thuốc cổ truyền (Gồm 01 mặt hàng - Phụ lục 2)	19.500.000 (Mười chín triệu, năm trăm ngàn đồng)		Chỉ định thầu rút gọn				
3	Mua vị thuốc cổ truyền (Gồm 15 mặt hàng - Phụ lục 3)	112.502.250 (Một trăm mười hai triệu, năm trăm lẻ hai ngàn, hai trăm năm mươi đồng)		Mua sắm trực tiếp	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ			
Tổng giá trị các gói thầu:		508.864.850 đồng (Bằng chữ: Năm trăm lẻ tám triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn, tám trăm năm mươi đồng).						

Ghi chú: Giá này đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bốc xếp, thuế VAT và các chi phí khác có liên quan...đến việc cung cấp thuốc đến tận kho của Trung tâm Y tế TX An Nhơn.

Phụ lục 1:



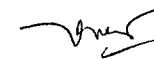
Gói thầu số 1: Mua thuốc theo tên generic

Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của UBND tỉnh Bình Định).

STT	Mã số đầu thầu	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách, dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch đã có VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)	
I	Thuốc tên generic								
NHÓM 1: THUỐC SẢN XUẤT TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐẠT TIÊU CHUẨN EU-GMP HOẶC PIC/s-GMP THUỘC NƯỚC THAM GIA ICH									
1	N1.262	Metronidazol + Neomycin + Nystatin	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Hộp 1 vỉ x 10 viên Viên nén. Viên ép trong vỉ. Đặt âm đạo	Viên	3.000	11.000	33.000.000	
NHÓM 3: THUỐC SẢN XUẤT TẠI CÁC CƠ SỞ ĐẠT TIÊU CHUẨN GMP-WHO ĐƯỢC BỘ Y TẾ VIỆT NAM CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN									
2	N3.4	Acetyl leucin	500mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên Viên nén. Viên ép trong vỉ. Uống	Viên	70.000	359	25.130.000	
3	N3.29	Alpha chymotrypsin	21 microkats tương đương 4,2mg hoặc 4.200UI	Hộp 2 vỉ x 10 viên Viên nén dạng phân tán. Viên ép trong vỉ. Uống	Viên	50.000	1.365	68.250.000	
4	N3.185	Cinnarizin	25mg	Hộp 04 vỉ x 50 viên Viên nén. Viên ép trong vỉ. Uống	Viên	70.000	49	3.430.000	
5	N3.244	Diphenhydramin	10mg/1ml	hộp 100 ống Dung dịch tiêm. Ống 1ml Tiêm	Ống	1.000	620	620.000	
6	N3.252	Drotaverin clohydrat	40mg/2ml	hộp 2 vỉ x 5 ống Dung dịch tiêm. Ống 2ml Tiêm	Ống	300	3.129	938.700	
7	N3.306	Gentamicin	40mg/1ml	Hộp 10 ống Dung dịch tiêm. Ống 1ml Tiêm	Ống	400	998	399.200	
8	N3.342	Hydrocortison natri succinat	100mg	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột đông khô + 1 ống dung môi 2ml Bột đông khô pha tiêm. Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm + 1 ống dung môi 2ml Tiêm	Lọ	810	13.986	11.328.660	
9	N3.419	Magnesi lactat + Vitamin B6	470mg + 5mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên Viên bao phim. Viên ép trong vỉ. Uống	Viên	100.000	150	15.000.000	

STT	Mã số đấu thầu	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách, dạng bào chế, đường dùng			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch đã có VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
10	N3.443	Methyl prednisolon	40mg	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 1ml	Bột đông khô pha tiêm. Hộp 1 lọ thuốc bột đông khô pha tiêm + 1 ống dung môi 1ml	Tiêm	Hộp	810	16.884	13.676.040
11	N3.559	Piracetam	800 mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên bao phim. Viên ép trong vi.	Uống	Viên	15.000	288	4.320.000
12	N3.604	Salbutamol sulfat	2mg	Lọ 500 viên	Viên nén.	Uống	Viên	5.000	46	230.000
13	N3.661	Tobramycin	80mg/2ml	Hộp 10 lọ	Dung dịch tiêm. Lọ 2ml	Tiêm	Lọ	3.000	19.500	58.500.000
NHÓM 4: THUỐC CÓ CHỨNG MINH TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC DO BỘ Y TẾ CÔNG BỐ										
14	N4.24	Cefaclor	250mg	H/2 vi/10viên nang	Viên nang cứng, dưới dạng cefaclor monohydrat. Viên ép trong vi.	Uống	Viên	20.000	4.750	95.000.000
15	N4.93	Trimetazidin HCl	35mg	H/2 vi/30 viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	Viên bao phim phóng thích có kiểm soát. Viên ép trong vi.	Uống	Viên	48.000	980	47.040.000
Danh mục này gồm 15 mặt hàng								Tổng giá trị:		376.862.600

* Giá này đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bốc xếp, thuế VAT và các chi phí khác có liên quan...đến việc cung cấp thuốc đến tận kho của Trung tâm Y tế TX An Nhơn



Phụ lục 2:



Gói thầu số 2: Mua thuốc cổ truyền, thuốc được liệu

theo Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 14 / 4/2017 của UBND tỉnh Bình Định).

TT	Mã số đấu thầu	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Quy cách, dạng bào chế, đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch đã có VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	N1.69	Eucalyptol, Methol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu trầm, Tinh dầu tằm	100mg, 0,5mg, 0,75mg, 50mg, 0,36mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên Viên nang mềm. Uống Viên ép trong vỉ.	Viên	50.000	390	19.500.000
Danh mục này có 01 mặt hàng.						Tổng giá trị:		19.500.000

* Giá này đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bốc xếp, thuế VAT và các chi phí khác có liên quan...đến việc cung cấp thuốc đến tận kho của Trung tâm Y tế TX An Nhơn

Phụ lục 3:



Gói thầu số 3: Mua vị thuốc cổ truyền

(Kèm theo Quyết định số ~~1337~~ /QĐ-UBND ngày ~~14~~ / 4/2017 của UBND tỉnh Bình Định).

STT	Mã số đấu thầu	Tên vị thuốc	Nguồn gốc	Tên khoa học của vị thuốc	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch đã có VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	TP1	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Bắc	<i>Poria</i>	<i>Poria cocos</i> (Schw.) Wolf - <i>Polyporaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	10	504.000,0	5.040.000
2	TP2	Bạch thược	Bắc	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	<i>Paeonia lactiflora</i> Pall. - <i>Ranunculaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	11	504.000,0	5.544.000
3	TP3	Cam thảo	Bắc	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	<i>Glycyrrhiza</i> spp. - <i>Fabaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	4	624.750,0	2.499.000
4	TP4	Đảng sâm	Bắc	<i>Radix Codonopsis</i>	<i>Codonopsis</i> spp. - <i>Campanulaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	4	1.071.000,0	4.284.000
5	TP5	Đỗ trọng	Bắc	<i>Cortex Eucommiae</i>	<i>Eucommia ulmoides</i> Oliv. - <i>Eucommiaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	15	457.800,0	6.867.000
6	TP6	Đương quy (Toàn quy)	Bắc	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	<i>Angelica sinensis</i> (Oliv.) Diels - <i>Apiaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	13	1.239.000,0	16.107.000
7	TP7	Độc hoạt	Bắc	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	<i>Angelica pubescens</i> Maxim. - <i>Apiaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	4	457.800,0	1.831.200
8	TP8	Hoài sơn	Nam	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burkill - <i>Dioscoreaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	3	386.400,0	1.159.200

Gói 3: Vị thuốc cổ truyền

STT	Mã số đầu thầu	Tên vị thuốc	Nguồn gốc	Tên khoa học của vị thuốc	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kê hoạch đã có VAT (đồng)	Thành tiền (đồng)
9	TP9	Ngưu tất	Bắc	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	<i>Achyranthes bidentata</i> Blume – <i>Amaranthaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	9	433.650,0	3.902.850
10	TP10	Phòng phong	Bắc	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	<i>Saposhnikovia divaricata</i> (Turcz) Schischk.- <i>Apiaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	10	2.446.500,0	24.465.000
11	TP11	Quế nhục	Nam	<i>Cortex Cinnamomi</i>	<i>Cinnamomum spp. - Lauraceae</i>	ĐDVN IV- TCCS		Kg	3	257.250	771.750
12	TP12	Tân giao	Bắc	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	<i>Gentiana macrophylla</i> Pall. - <i>Gentianaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	15	1.785.000,0	26.775.000
13	TP13	Tang ký sinh	Nam	<i>Herba Loranthis gracilifolii</i>	<i>Loranthus gracilifolius</i> Roxb.ex.Shult.f.- <i>Loranthaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS		Kg	14	241.500,0	3.381.000
14	TP14	Thục địa	Nam	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>	<i>Rehmannia glutinosa</i> (Gaertn.) Libosch. Mey.- <i>Scrophulariaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	14	414.750,0	5.806.500
15	TP15	Xuyên khung	Bắc	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	<i>Ligusticum wallichii</i> Franch. – <i>Apiaceae</i>	ĐDVN IV- TCCS	Túi 1kg	Kg	5	813.750,0	4.068.750
Danh mục này gồm 15 mặt hàng.									Tổng giá trị		112.502.250

* Giá này đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bốc xếp, thuế VAT và các chi phí khác có liên quan...đến việc cung cấp thuốc đến tận kho của Trung tâm Y tế TX An Nhơn

